

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2026
V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Minh Huệ

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 780/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025, về việc “ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/02/2026, quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: Số nhà A, tổ A, khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu T1, sinh năm 1961, địa chỉ cư trú: Số nhà A, tổ A, khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T1 kết hôn vào năm 1989, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/1989, tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên bà xin ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Thanh H, sinh năm 1991 và Trần Phạm Minh H1, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản thứ 1: 01 căn nhà trọ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 528824, diện tích 81m², thuộc thửa đất số 400, tờ bản đồ số 19, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tài sản thứ 2: 01 căn nhà, thuộc thửa đất 312, tờ bản đồ số 19, diện tích 102,6m², phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xin rút lại toàn bộ yêu cầu về chia tài sản để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Hữu T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật về thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách đương sự, thủ tục tố tụng đã được Tòa án xác định và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Cho bà T ly hôn ông T1. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Thanh H, sinh năm 1991 và Trần Phạm Minh H1, sinh năm 1997; các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, bà T rút lại yêu cầu chia tài sản nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản. Về nợ chung, không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà T khởi kiện yêu cầu “ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” nên quan hệ pháp luật được xác định là “ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền của Tòa án: Vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại phường T, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 85/2025/QH15.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo các quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Bà T, ông T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/1989, tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, nên việc kết hôn là hợp pháp theo các quy định tại Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

[4.2] Về yêu cầu xin ly hôn của bà T

Xét thấy, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông T1, kết quả xác minh “quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn gì hay không địa phương không biết và cũng không nhận được

trình báo gì của bà T và ông T1”; Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cương quyết xin ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành. Do vậy đủ căn cứ để kết luận hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho bà T ly hôn ông T1.

[4.3] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Thanh H, sinh năm 1991 và Trần Phạm Minh H1, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung: Theo bà T trình bày, vợ chồng có các tài sản chung là: Tài sản thứ 1: 01 căn nhà trọ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 528824, diện tích 81m², thuộc thửa đất số 400, tờ bản đồ số 19, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tài sản thứ 2: 01 căn nhà, thuộc thửa đất 312, tờ bản đồ số 19, diện tích 102,6m², phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xin rút lại toàn bộ yêu cầu về chia tài sản để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu về chia tài sản theo quy định của pháp luật.

[4.5] Về nợ chung: Bà T trình bày nợ chung không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006349 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu chia tài sản đã rút là 3.750.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0006346 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 56, 57, 58, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc “ly hôn” đối với ông Trần Hữu T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn ông Trần Hữu T1.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Thanh H, sinh năm 1991 và Trần Phạm Minh H1, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà Phạm Thị T. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu về chia tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006349 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0006346 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Học